TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2018
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Cho
2. Ông Võ Văn Thành

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Kim Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh – sinh năm: 1970, địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng S – sinh năm: 1967, địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/12/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà với ông Nguyễn Hoàng S tiến đến hôn nhân năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang,

trong cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người không có tiếng nói chung, nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày một trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân nhau thời gian dài cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng G (nữ), sinh ngày 30/10/1993 và Nguyễn Chí C (nam), sinh ngày 27/7/1996, do các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Hoàng S vắng mặt không lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông S nhưng ông S vẫn vắng mặt nên không ghi được kiến trình bày của ông S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, không cung cấp lời khai và vắng mặt không lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Qua lời trình bày của bà Nh nhận thấy hôn nhân ông S và bà Nh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn tồn tại nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh. Về con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ chung do chưa ghi nhận được ý kiến của ông S nên đề nghị tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu. Buộc bà Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng S, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, ông S có địa chỉ cư trú thuộc lãnh thổ huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông S mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến đã ly thân nhau điều đó cho thấy đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, ông S đi đâu làm gì cũng không cho bà Nh biết điều đó chứng minh sự quan tâm, chăm sóc giữa vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nh với ông S có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng G (nữ), sinh ngày 30/10/1993 và Nguyễn Chí C (nam), sinh ngày 27/7/1996, do các con chung đã trưởng thành và bà Nh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh khai không có, ông S vắng mặt không có lời khai nên chưa thể xác định. Vì vậy, đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh.

Về quan hệ hôn nhân: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nh với ông Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Nguyễn Thị Nh phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014494 ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu

Thành A, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà Nh đã nộp xong).

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm